

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17-02-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Dhiều Hmök và ông Nguyễn Văn Thức.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2025, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985 – có mặt.

**Bị đơn:** Ông Trần Thanh L, sinh năm 1980 – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A đường T, tổ dân phố E, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày có nội dung:* Bà và ông Trần Thanh L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/6/2012. Sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, xung đột lẫn nhau. Dần dần hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hiện mâu thuẫn giữa bà và ông L không thể hàn gắn được. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung, bà và ông L có 03 người con chung là các cháu Trần Nguyễn Như Ý, sinh ngày 25/11/2012; Trần Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04/11/2016; Trần Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/8/2018. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba người con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Thanh L có đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được gửi đến Tòa án với nội dung: Do giữa ông và bà Đ đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do đó, nay ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.*

Về con chung: Ông và bà Đ có 03 người con chung, là các cháu Trần Nguyễn Như Ý, sinh ngày 25/11/2012; Trần Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04/11/2016; Trần Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/8/2018. Do bản thân ông bận công việc, hay đi làm xa nên không có điều kiện chăm sóc các con. Ông đồng ý giao cả 03 người con chung cho mẹ là Nguyễn Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến của các cháu Trần Nguyễn Như Ý, sinh ngày 25/11/2012; Trần Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04/11/2016 như sau: Nguyên vọng của các cháu khi bố mẹ ly hôn là các cháu muốn được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Đ.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Trần Thanh L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông L là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/6/2012. Sau khi kết hôn bà Đ và ông L sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn,

thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Đ và ông L thì địa phương xác định: Quá trình chung sống giữa ông L và bà Đ có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ. Hiện nay các con chung đang ở với bà Đ, do bà Đ nuôi dưỡng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông L có xảy ra mâu thuẫn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Đ có yêu cầu giải quyết cho vợ chồng bà được ly hôn và ông L có ý kiến đồng ý với yêu cầu của bà Đ. Do đó việc giải quyết cho bà Đ ly hôn ông L là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đ và ông L có 03 người con chung là Trần Nguyễn Như Ý, sinh ngày 25/11/2012; Trần Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04/11/2016; Trần Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/8/2018. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba người con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại kết quả xác minh đã xác định: Hiện các con chung đang do bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông L cũng đồng ý giao cả ba cháu cho bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu giải quyết về con chung của bà Đ phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của ông L và các cháu Trần Nguyễn Như Ý, Trần Nguyễn Bảo K, phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Bà Đ chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình*

*Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Trần Thanh L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Nguyễn Như Ý, sinh ngày 25/11/2012; Trần Nguyễn Bảo K, sinh ngày 04/11/2016; Trần Nguyễn Kim N, sinh ngày 07/8/2018 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Trần Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001845 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường An Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Văn Khanh**